

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(đã được kiểm toán)



## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06 - 32
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 32

II  
ÔN  
NH  
GK  
A/  
KI

GD  
SĐ  
\*

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chíp Sáng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Chíp sáng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký số 0304392302 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 05 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 26 tháng 10 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Ngọc Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 14/12/2019
Ông Phạm Hồng Kỳ	Thành viên	
Ông Lương Văn Lý	Thành viên	
Bà Hồ Mỹ Hòa	Thành viên	
Ông Đặng Duy Hợp	Thành viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Duy Hợp	Giám đốc
Bà Vũ Việt Hương	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Ngô Quốc Hùng	Trưởng ban
Ông Vũ Thái Hà	Thành viên
Bà Lê Thị Anh Đào	Thành viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;

1100  
NG T  
KIỂM H  
KIỂM  
AASC  
KIỂM - T

K. D. P  
C  
CH  
H. AN P

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh

- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Cam kết khác**

Ban giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2020

**TM. Ban Giám đốc**



**Đặng Duy Hợp**



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chíp Sáng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Chíp Sáng được lập ngày 20 tháng 04 năm 2020, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chíp Sáng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

110  
GT  
MH  
EM  
S  
M  
1392  
IGT  
PH/  
SA  
HC

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến thuyết minh số 1, trong đó trình bày về việc khoản đầu tư vào Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam đang được hợp nhất theo phương pháp giá gốc. Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 05 năm 2020

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**

**Phó Tổng Giám đốc**



**Bùi Văn Thảo**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0522-2018-002-1

**Kiểm toán viên**

**Trần Trung Hiếu**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 2202-2018-002-1



10/11/2020



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>4.881.171.130</b>	<b>2.837.913.400</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	1.410.661.482	1.160.704.122
111	1. Tiền		236.073.273	146.179.126
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.174.588.209	1.014.524.996
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		620.000.000	235.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	04	620.000.000	235.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.546.845.306	1.146.486.004
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	2.873.197.746	2.711.245.289
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	42.775.090	24.255.090
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	07	1.760.000.000	1.760.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	08	3.925.917.329	2.518.820.490
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.055.044.859)	(5.867.834.865)
140	IV. Hàng tồn kho	10	21.020.322	21.020.322
141	1. Hàng tồn kho		1.198.402.663	1.229.321.381
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.177.382.341)	(1.208.301.059)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		282.644.020	274.702.952
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	35.594.926	9.069.315
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		169.742.000	188.326.543
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	77.307.094	77.307.094
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>47.635.012.728</b>	<b>51.851.047.054</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		917.687.970	917.687.970
216	1. Phải thu dài hạn khác	08	917.687.970	917.687.970
220	II. Tài sản cố định		997.060.168	1.091.333.627
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	-	9.417.283
222	- Nguyên giá		709.460.084	709.460.084
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(709.460.084)	(700.042.801)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	997.060.168	1.081.916.344
228	- Nguyên giá		1.669.867.451	1.669.867.451
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(672.807.283)	(587.951.107)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	20.946.506	3.794.647.642
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		20.946.506	224.337.794
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	3.570.309.848
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	45.435.157.607	40.835.212.421
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		54.087.157.607	51.587.212.421
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(10.752.000.000)	(10.752.000.000)
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.100.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		264.160.477	5.212.165.394
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	264.160.477	125.140.570
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.a	-	5.087.024.824
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>52.516.183.858</b>	<b>54.688.960.454</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>3.462.129.999</b>	<b>2.850.869.552</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.888.355.675</b>	<b>2.850.869.552</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	566.292.011	499.358.658
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	81.669.721	69.846.808
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	365.355.759	365.027.733
314	4. Phải trả người lao động		166.009.966	137.835.966
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	86.603.800	71.554.134
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	58.283.600	16.209.677
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	536.644.778	1.663.540.536
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		27.496.040	27.496.040
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.573.774.324</b>	-
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	1.573.774.324	-
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>49.054.053.859</b>	<b>51.838.090.902</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	21	<b>49.054.053.859</b>	<b>51.838.090.902</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		80.290.800.000	80.290.800.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		80.290.800.000	80.290.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		374.000.000	374.000.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(11.140.610.000)	(11.140.610.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		426.849.623	426.849.623
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		11.984.480	11.984.480
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(21.299.096.718)	(18.545.752.212)
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		(18.545.752.212)	(21.262.422.632)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(2.753.344.506)	2.716.670.420
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		390.126.474	420.819.011
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>52.516.183.858</b>	<b>54.688.960.454</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng




Phạm Thị Minh Thy

Vũ Việt Hương



Đặng Duy Hợp



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9,  
thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	5.758.247.527	9.575.238.471
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	23.711.039
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.758.247.527	9.551.527.432
11	4. Giá vốn hàng bán	24	5.172.487.156	9.012.747.900
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		585.760.371	538.779.532
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	4.015.310.092	130.600.448
22	7. Chi phí tài chính	26	374.834	3.890.887
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		2.499.945.186	3.972.181.087
25	9. Chi phí bán hàng		8.636.360	895.538
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	1.083.760.533	1.365.888.020
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.008.243.922	3.270.886.622
31	12. Thu nhập khác	28	110.603	46.113.289
32	13. Chi phí khác	29	3.705.366.744	201.567.885
40	14. Lợi nhuận khác		(3.705.256.141)	(155.454.596)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.302.987.781	3.115.432.026
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	-
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	30.b	5.087.024.824	420.286.163
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>(2.784.037.043)</u>	<u>2.695.145.863</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		(2.753.344.506)	2.716.670.420
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		(30.692.537)	(21.524.557)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	(398)	393

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





  


Phạm Thị Minh Thy

Vũ Việt Hương

Đặng Duy Hợp



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Năm 2019  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		2.302.987.781	3.115.432.026
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		94.273.459	97.412.580
03	- Các khoản dự phòng		156.291.276	377.146.660
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	(164.181)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.944.941.167)	(4.102.581.335)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(391.388.651)	(512.754.250)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		270.878.670	994.018.331
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		234.310.006	334.867.317
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		611.260.447	(2.930.205.667)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(165.545.518)	529.214.848
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		559.514.954	(1.584.859.421)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
23	1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị		(2.485.000.000)	-
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.175.442.406	138.876.555
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(309.557.594)	138.876.555
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		249.957.360	(1.445.982.866)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.160.704.122	2.606.522.807
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	164.181
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>1.410.661.482</u>	<u>1.160.704.122</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phạm Thị Minh Thy

Vũ Việt Hương

Đặng Duy Hợp

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chíp sáng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký số 0304392302 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 05 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 26 tháng 10 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 80.290.800.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 80.290.800.000 đồng; tương đương 8.029.080 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh mua bán các thiết bị điện tử, cho thuê văn phòng, đại lý dịch vụ viễn thông.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Cho thuê văn phòng;
- Mua bán thiết bị điện tử;
- Đại lý dịch vụ viễn thông.

#### Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có 01 công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2019 là:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	TP. Hồ Chí Minh	77,77%	77,77%	Kinh doanh dịch vụ Noron và thiết kế

- Công ty có 01 công ty liên kết được phân ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2019 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Sacom - Chíp sáng	Tp. Hồ Chí Minh	26,25%	26,25%	Kinh doanh Bất động sản và cho thuê văn phòng

- Công ty có 01 công ty liên kết không được phân ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2019 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	Tp. Hồ Chí Minh	38,00%	38,00%	Thiết kế và sản xuất các sản phẩm Digital

Lý do: Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam đang trong giai đoạn ngừng hoạt động để làm thủ tục giải thể.



**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất**

Tại thời điểm 31/12/2019, lỗ lũy kế của Công ty là 20.699.137.841 VND (chiếm 41,69% Vốn chủ sở hữu), nợ phải trả đã quá hạn thanh toán là 481.517.760 VND. Vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính của Công ty vẫn đang được lập và trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục vì các lý do sau:

- Công ty đã xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2020, theo đó các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh cơ bản năm 2020 như: doanh thu, lợi nhuận, tổng tài sản,... đều được Công ty xây dựng cao hơn cao hơn so với năm 2019.
- Các khoản nợ phải trả được Công ty tăng cường quản lý chặt chẽ hơn, đảm bảo duy trì hệ số nợ trong khả năng có thể kiểm soát được.

**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Báo cáo tài chính của công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

*Lợi ích của cổ đông không kiểm soát*

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

110  
NG  
VIỆM  
KIẾ  
AA  
KIẾ

39  
G  
H  
S  
H

**2.4 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

**Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.6 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết* trong Báo cáo tài chính hợp nhất được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua.

Riêng đối với Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam, do công ty đang trong giai đoạn ngừng hoạt động để làm thủ tục giải thể nên khoản đầu tư vào công ty này vẫn được phản ánh theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ khả năng thu hồi theo quy định của pháp luật.

**2.7 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.



Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.8 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.9 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phần mềm máy tính	03	năm
- Chuyển giao công nghệ	05	năm

**2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

**2.11 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.12 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.





**2.13 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.14 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.15 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

**2.16 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.17 . Doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu cho thuê hoạt động*

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu từ cho thuê văn phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

**2.19 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.





**2.20 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí liên quan đến các hoạt động thanh toán của khách hàng;
- Chi phí đi vay vốn;
- Lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

- a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

- b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

- c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

**2.22 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

**2.23 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.24 . Thông tin bộ phận**

Do hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu từ hoạt động mua bán các thiết bị điện tử và phát sinh tại Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9,  
thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Tiền mặt	51.484.865	33.164.072
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	184.588.408	113.015.054
Các khoản tương đương tiền (*)	1.174.588.209	1.014.524.996
	<u><u>1.410.661.482</u></u>	<u><u>1.160.704.122</u></u>

(\*) Tại ngày 31/12/2019, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng có giá trị 1.174.588.209 VND được gửi tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Ngoại Thương - Chi nhánh TP.HCM với lãi suất từ 4,5%/năm.

11/12/2019 10:00:00 AM

11/12/2019 10:00:00 AM

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẬP SÁNG****Báo cáo tài chính hợp nhất**

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn <sup>(1)</sup>	620.000.000	620.000.000	235.000.000	235.000.000
Đầu tư dài hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn <sup>(2)</sup>	2.100.000.000	2.100.000.000	-	-
	<b>2.720.000.000</b>	<b>2.720.000.000</b>	<b>235.000.000</b>	<b>235.000.000</b>

<sup>(1)</sup> Tại ngày 31/12/2019, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là khoản tiền gửi kỳ hạn 6 tháng có giá trị là 620.000.000 VND, tại Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh với lãi suất 7,6%/năm.

<sup>(2)</sup> Tại ngày 31/12/2019, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn là khoản tiền gửi kỳ hạn 15 tháng có giá trị là 2.100.000.000 VND, tại Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quận 11 với lãi suất 7,8%/năm.

**b) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	10.752.000.000	(10.752.000.000)	10.752.000.000	(10.752.000.000)
	<b>10.752.000.000</b>	<b>(10.752.000.000)</b>	<b>10.752.000.000</b>	<b>(10.752.000.000)</b>
	31/12/2019		01/01/2019	
Giá gốc	Giá trị ghi số theo phương pháp Vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị ghi số theo phương pháp Vốn chủ sở hữu	Giá gốc
VND	VND	VND	VND	VND
42.000.000.000	43.335.157.607	42.000.000.000	40.835.212.421	
<b>42.000.000.000</b>	<b>43.335.157.607</b>	<b>42.000.000.000</b>	<b>40.835.212.421</b>	

- Công ty TNHH Sacom- Chíp Sáng





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**Thông tin chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết**

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	38,00%	38,00%	Thiết kế và sản xuất các sản phẩm Digital
Công ty TNHH Sacom- Chíp Sáng	Thành phố Hồ Chí Minh	26,25%	26,25%	Kinh doanh Bất động sản, cho thuê văn phòng

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	2.315.128.251	(2.315.128.251)	2.315.128.251	(2.315.128.251)
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	18.995.000	-	18.995.000	-
Phải thu các đối tượng khác	539.074.495	(189.374.964)	377.122.038	(165.720.266)
	<u>2.873.197.746</u>	<u>(2.504.503.215)</u>	<u>2.711.245.289</u>	<u>(2.480.848.517)</u>
<b>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	<u>2.315.128.251</u>	<u>(2.315.128.251)</u>	<u>2.315.128.251</u>	<u>(2.315.128.251)</u>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)</i>				

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	17.500.000	-	17.500.000	-
Trung tâm nghiên cứu triển khai Khu Công Nghệ Cao	18.520.000	-	-	-
Phải trả các đối tượng khác	6.755.090	-	6.755.090	-
	<u>42.775.090</u>	<u>-</u>	<u>24.255.090</u>	<u>-</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9,  
thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	1.760.000.000	(1.760.000.000)	1.760.000.000	(1.760.000.000)
	<u>1.760.000.000</u>	<u>(1.760.000.000)</u>	<u>1.760.000.000</u>	<u>(1.760.000.000)</u>
<b>Phải thu về cho vay là các bên liên quan</b>	<u>1.760.000.000</u>	<u>(1.760.000.000)</u>	<u>1.760.000.000</u>	<u>(1.760.000.000)</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

**8 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu lãi tiền gửi	13.897.390	-	11.533.967	-
Phải thu Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	861.900.000	(861.900.000)	861.900.000	(861.900.000)
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1.837.500.000	-	-	-
Tạm ứng	1.600.000	(500.000)	1.600.000	(500.000)
Ký cược, ký quỹ	1.750.000	-	1.610.000	-
Phải thu thuế Nhà thầu	279.573.333	(279.573.333)	279.573.333	(279.573.333)
Phải thu Công ty TNHH BOSTON WATER	26.416.000	(13.208.000)	116.416.000	(34.924.800)
Phải thu nhân viên nghỉ việc	855.861.325	(635.360.311)	830.718.958	(450.088.215)
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn Co.op	-	-	342.906.584	-
Phải thu khác	47.419.281	-	72.561.648	-
	<u>3.925.917.329</u>	<u>(1.790.541.644)</u>	<u>2.518.820.490</u>	<u>(1.626.986.348)</u>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	917.687.970	-	917.687.970	-
	<u>917.687.970</u>	<u>-</u>	<u>917.687.970</u>	<u>-</u>
<b>c) Phải thu khác là các bên liên quan</b>	<u>2.699.400.000</u>	<u>(861.900.000)</u>	<u>861.900.000</u>	<u>(861.900.000)</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9,  
thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**9 . NỢ XẤU**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	4.937.028.251	-	4.937.028.251	-
- Tiền thuê nhà thầu phải thu Ashmanov & Partners JSC	279.573.333	-	279.573.333	-
- Các đối tượng khác	1.210.504.451	372.061.176	1.210.504.451	559.271.170
	<u>6.427.106.035</u>	<u>372.061.176</u>	<u>6.427.106.035</u>	<u>559.271.170</u>

**10 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	934.091	-	934.091	-
Hàng hoá	1.177.382.341	(1.177.382.341)	1.208.301.059	(1.208.301.059)
Hàng gửi đi bán	20.086.231	-	20.086.231	-
	<u>1.198.402.663</u>	<u>(1.177.382.341)</u>	<u>1.229.321.381</u>	<u>(1.208.301.059)</u>

**11 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

**a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Hợp đồng số 08/2016/HĐKT/CS-Cholimex (*)	-	-	77.712.498	77.712.498
Hợp đồng số 11/2016/HĐKT/CS-Cholimex (*)	20.946.506	20.946.506	146.625.296	146.625.296
	<u>20.946.506</u>	<u>20.946.506</u>	<u>224.337.794</u>	<u>224.337.794</u>

Ghi chú:

(\*) Hợp đồng cung cấp đèn Led chiếu sáng, thời gian thanh toán giá trị hợp đồng bắt đầu đúng 01 tháng sau khi Bên mua nhận được đủ thiết bị và kéo dài trong 3 năm. Giá trị thanh toán và ghi nhận doanh thu trong mỗi chu kỳ thanh toán được tính dựa trên chi phí thay thế bóng, Ballast của đèn huỳnh quang và lượng điện tiết kiệm được khi thay thế đèn huỳnh quang 36W bằng đèn Led tube 13W.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9,  
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**b) Xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Dự án "Giải pháp lọc web theo ngữ nghĩa"		
- Bản quyền	-	1.262.160.000
- Lương	-	2.308.149.848
	<u>-</u>	<u>3.570.309.848</u>

Đây là chi phí phát sinh theo hợp đồng chuyển giao công nghệ số 01/HĐ-CSA liên quan đến gói "Giải pháp lọc web theo ngữ nghĩa" được ký ngày 20/12/2011, giữa Ashmanov & Partners JSC và Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov. Hiện nay Dự án đã tạm dừng thực hiện.

**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị với nguyên giá và hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2019 lần lượt là 709.660.084 VND và 0 VND, chi phí khấu hao trong năm là 9.417.283 VND. Trong đó, nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 709.660.084 VND.

**13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Chuyển giao công nghệ VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	1.612.267.451	57.600.000	1.669.867.451
Số dư cuối năm	<u>1.612.267.451</u>	<u>57.600.000</u>	<u>1.669.867.451</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	530.351.107	57.600.000	587.951.107
- Khấu hao trong năm	84.856.176	-	84.856.176
Số dư cuối năm	<u>615.207.283</u>	<u>57.600.000</u>	<u>672.807.283</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	1.081.916.344	-	1.081.916.344
Tại ngày cuối năm	<u>997.060.168</u>	<u>-</u>	<u>997.060.168</u>

**14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	35.594.926	9.069.315
	<u>35.594.926</u>	<u>9.069.315</u>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	29.893.580	7.949.561
Chi phí sửa chữa	234.266.897	117.191.009
	<u>264.160.477</u>	<u>125.140.570</u>

1105 -  
CÔNG TY  
KIỂM HỮU  
KIỂM TÀI  
ASC  
KIỂM - T

11/2/2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9,  
thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty Cổ phần Maremono	425.717.407	-	425.717.407	-
Phải trả các đối tượng khác	140.574.604	140.574.604	73.641.251	73.641.251
	<u>566.292.011</u>	<u>140.574.604</u>	<u>499.358.658</u>	<u>73.641.251</u>
<b>b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				
Công ty Cổ phần Maremono	425.717.407	-	425.717.407	-
	<u>425.717.407</u>	<u>-</u>	<u>425.717.407</u>	<u>-</u>

**16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty Cổ phần Orient Hà Nội	6.720.000	6.720.000
Các đối tượng khác	74.949.721	63.126.808
	<u>81.669.721</u>	<u>69.846.808</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		-		15.062.330		15.062.330		-		-	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	77.307.094		-		-		-		77.307.094		-	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		11.649.927		5.396.357		2.068.331		-		14.977.953	
Các loại thuế khác	-		353.377.806		4.000.000		7.000.000		-		350.377.806	
	<b>77.307.094</b>		<b>365.027.733</b>		<b>24.458.687</b>		<b>24.130.661</b>		<b>77.307.094</b>		<b>365.355.759</b>	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9,  
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
- Trích trước chi phí tiền điện	45.849.320	26.954.134
- Trích trước chi phí bảo trì, bảo dưỡng	8.100.000	4.600.000
- Chi phí phải trả khác	32.654.480	40.000.000
	<u><u>86.603.800</u></u>	<u><u>71.554.134</u></u>

**19 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước	58.283.600	16.209.677
	<u><u>58.283.600</u></u>	<u><u>16.209.677</u></u>

**20 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	30.420.524	26.380.524
- Bảo hiểm xã hội	4.144.956	4.144.956
- Bảo hiểm y tế	6.349.365	6.349.365
- Bảo hiểm thất nghiệp	4.066.274	4.066.274
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	146.010.700	1.332.746.811
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	282.815.100	282.815.100
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	62.837.859	7.037.506
	<u><u>536.644.778</u></u>	<u><u>1.663.540.536</u></u>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.573.774.324	-
	<u><u>1.573.774.324</u></u>	<u><u>-</u></u>
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	282.815.100	282.815.100
	<u><u>282.815.100</u></u>	<u><u>282.815.100</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẬP SÁNG**

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	80.290.800.000	374.000.000	(11.140.610.000)	426.849.623	11.984.480	(21.105.248.351)	442.343.568	49.300.119.320								
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	2.716.670.420	(21.524.557)	2.695.145.863								
Ảnh hưởng do phân phối lợi nhuận tại công ty liên kết	-	-	-	-	-	(157.174.281)	-	(157.174.281)								
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>80.290.800.000</b>	<b>374.000.000</b>	<b>(11.140.610.000)</b>	<b>426.849.623</b>	<b>11.984.480</b>	<b>(18.545.752.212)</b>	<b>420.819.011</b>	<b>51.838.090.902</b>								
Số dư đầu năm nay	80.290.800.000	374.000.000	(11.140.610.000)	426.849.623	11.984.480	(18.545.752.212)	420.819.011	51.838.090.902								
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	(2.753.344.506)	(30.692.537)	(2.784.037.043)								
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>80.290.800.000</b>	<b>374.000.000</b>	<b>(11.140.610.000)</b>	<b>426.849.623</b>	<b>11.984.480</b>	<b>(21.299.096.718)</b>	<b>390.126.474</b>	<b>49.054.053.859</b>								

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ VND		Tỷ lệ (%)		Đầu năm VND	
	Tỷ lệ VND	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Đầu năm VND	Đầu năm VND
Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh	12,31%	9.880.440.000	12,31%	9.880.440.000	9.880.440.000	9.880.440.000
Các cổ đông khác	73,81%	59.269.750.000	73,81%	59.269.750.000	59.269.750.000	59.269.750.000
Cổ phiếu quỹ	13,88%	11.140.610.000	13,88%	11.140.610.000	11.140.610.000	11.140.610.000
	<b>100</b>	<b>80.290.800.000</b>	<b>100</b>	<b>80.290.800.000</b>	<b>80.290.800.000</b>	<b>80.290.800.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9,  
thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80.290.800.000	80.290.800.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>80.290.800.000</i>	<i>80.290.800.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>80.290.800.000</i>	<i>80.290.800.000</i>

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.029.080	8.029.080
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.029.080	8.029.080
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>8.029.080</i>	<i>8.029.080</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại ( <i>cổ phiếu quỹ</i> )	1.114.061	1.114.061
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.114.061</i>	<i>1.114.061</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.915.019	6.915.019
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>6.915.019</i>	<i>6.915.019</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	426.849.623	426.849.623
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	11.984.480	11.984.480
	<b>438.834.103</b>	<b>438.834.103</b>

**22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**a) Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty hiện đang cho thuê lại mặt bằng tòa nhà của công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn Co.op theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2019, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	7.793.237.669	1.042.099.090
- Trên 1 năm đến 5 năm	7.682.783.126	-
	<b>15.476.020.795</b>	<b>1.042.099.090</b>

**b) Tài sản thuê ngoài**

Công ty thuê mặt bằng tòa nhà của công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn Co.op theo hợp đồng 03/HĐ-SCID/2018. Tại ngày 31/12/2019, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	5.180.496.605	7.362.312.248
- Trên 1 năm đến 5 năm	9.836.215.632	4.927.055.947
	<b>15.016.712.237</b>	<b>12.289.368.195</b>

**c) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2019	01/01/2019
- Đồng đô la Mỹ (USD)	-	286,31



11/01/2020 17:11

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9,  
thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	33.955.455	4.154.548
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.265.501.112	9.148.044.937
Doanh thu thi công đèn Led	458.790.960	423.038.986
	<b>5.758.247.527</b>	<b>9.575.238.471</b>

**24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	14.190.037	105.571.881
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.879.008.928	8.783.452.464
Giá vốn thi công đèn Led	310.206.909	229.295.436
Hoàn nhập giảm giá hàng tồn kho	(30.918.718)	(105.571.881)
	<b>5.172.487.156</b>	<b>9.012.747.900</b>

**25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	77.805.829	130.400.248
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.937.500.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4.263	36.019
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	164.181
	<b>4.015.310.092</b>	<b>130.600.448</b>

**26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chiết khấu thanh toán	-	3.890.462
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	374.834	425
	<b>374.834</b>	<b>3.890.887</b>

**27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	34.547.577	2.404.273
Chi phí nhân công	379.270.116	309.035.225
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.417.283	12.556.404
Thuế, phí, lệ phí	7.000.000	4.000.000
Chi phí dự phòng	187.209.994	482.718.541
Chi phí dịch vụ mua ngoài	403.369.596	551.423.577
Chi phí khác bằng tiền	62.945.967	3.750.000
	<b>1.083.760.533</b>	<b>1.365.888.020</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9,  
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**28 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chiết khấu hoa hồng của đường truyền mạng CMC	-	140.000
Thu nhập từ thanh lý Công cụ dụng cụ	-	25.945.453
Thu nhập khác	110.603	20.027.836
	<u>110.603</u>	<u>46.113.289</u>

**29 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí khấu hao của TSCĐ không sử dụng	84.856.176	84.856.176
Chi phí bản quyền và lương của dự án Giải pháp lọc web theo ngữ nghĩa	3.570.309.848	-
Các khoản bị phạt	49.800.353	116.699.055
Chi phí khác	400.367	12.654
	<u>3.705.366.744</u>	<u>201.567.885</u>

**30 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI****a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	766.243.296
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	4.320.781.528
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<u>-</u>	<u>5.087.024.824</u>

**b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	154.749.791
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5.087.024.824	1.028.537.733
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	(763.001.361)
	<u>5.087.024.824</u>	<u>420.286.163</u>

**31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(2.753.344.506)	2.716.670.420
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(2.753.344.506)	2.716.670.420
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	6.915.019	6.915.019
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<u>(398)</u>	<u>393</u>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

30111  
 CÔNG  
 ÁCH NH  
 ANH K  
 A  
 DAN K



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ SÁNG**

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9,  
thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	43.183.937	2.404.273
Chi phí nhân công	379.270.116	309.035.225
Chi phí khấu hao tài sản cố định	94.273.459	97.412.580
Chi phí dịch vụ mua ngoài	303.799.608	551.623.577
Chi phí khác bằng tiền	5.173.764.861	8.787.313.402
	<b>5.994.291.981</b>	<b>9.747.789.057</b>

**33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.410.661.482	-	1.160.704.122	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	7.716.803.045	(4.295.044.859)	6.147.753.749	(4.295.044.859)
Các khoản cho vay	4.480.000.000	(1.760.000.000)	1.995.000.000	(1.760.000.000)
	<b>13.607.464.527</b>	<b>(6.055.044.859)</b>	<b>9.303.457.871</b>	<b>(6.055.044.859)</b>
			Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác			2.676.711.113	2.162.899.194
Chi phí phải trả			86.603.800	71.554.134
			<b>2.763.314.913</b>	<b>2.234.453.328</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9,  
thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.410.661.482	-	-	1.410.661.482
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.504.070.216	917.687.970	-	3.421.758.186
Các khoản cho vay	620.000.000	2.100.000.000	-	2.720.000.000
	<u>4.534.731.698</u>	<u>3.017.687.970</u>	<u>-</u>	<u>7.552.419.668</u>
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.160.704.122	-	-	1.160.704.122
Phải thu khách hàng, phải thu khác	935.020.920	917.687.970	-	1.852.708.890
Các khoản cho vay	235.000.000	-	-	235.000.000
	<u>2.330.725.042</u>	<u>917.687.970</u>	<u>-</u>	<u>3.248.413.012</u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	1.102.936.789	1.573.774.324	-	2.676.711.113
Chi phí phải trả	86.603.800	-	-	86.603.800
	<u>1.189.540.589</u>	<u>1.573.774.324</u>	<u>-</u>	<u>2.763.314.913</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Tại ngày 01/01/2019

Phải trả người bán,	2.162.899.194	-	-	2.162.899.194
phải trả khác				
Chi phí phải trả	71.554.134	-	-	71.554.134
	<u>2.234.453.328</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>2.234.453.328</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Số dư tại ngày kết thúc năm:

	Mối quan hệ	31/12/2019	01/01/2019
		VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		<b>2.315.128.251</b>	<b>2.315.128.251</b>
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	Công ty liên kết	2.315.128.251	2.315.128.251
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>		<b>1.760.000.000</b>	<b>1.760.000.000</b>
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	Công ty liên kết	1.760.000.000	1.760.000.000
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>		<b>2.699.400.000</b>	<b>861.900.000</b>
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	Công ty liên kết	861.900.000	861.900.000
Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	Công ty liên kết	1.837.500.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập của Giám đốc	195.803.602	107.590.760

**36 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





  


Phạm Thị Minh Thy

Vũ Việt Hương

Đặng Duy Hợp